

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2022 của  
Công ty TNHH một thành viên Nhà Xuất bản Thanh Hóa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh  
doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của  
Chính phủ về việc thực hiện các quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của  
Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn,  
tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm  
2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số  
91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà  
nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị  
định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi  
một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017,  
Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 và Nghị định số  
32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 6067/TTr-STC ngày 10  
tháng 10 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty trách nhiệm  
hữu hạn một thành viên Nhà Xuất bản Thanh Hóa, chi tiết tại phụ lục kèm theo  
Quyết định này.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

**1. Sở Tài chính:**

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh,  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và  
các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền đề nghị phê

duyet của các nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành và đơn vị liên quan, có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ kế toán, chế độ thu chi tài chính, thu nộp ngân sách, chế độ trích lập sử dụng các quỹ của Công ty TNHH một thành viên Nhà Xuất bản Thanh Hóa theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; tham mưu đề xuất những vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Công ty TNHH một thành viên Nhà Xuất bản Thanh Hóa:

a) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của báo cáo tài chính.

b) Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo các quy định hiện hành của pháp luật; tham mưu đề xuất, báo cáo những vấn đề vượt thẩm quyền.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Nhà Xuất bản Thanh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Thi**

**Phụ lục:**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 CỦA CÔNG TY TNHH  
MỘT THÀNH VIÊN NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định số            /QĐ-UBND ngày        /        /2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

| STT        | Chỉ tiêu                                  | Số tiền              |
|------------|-------------------------------------------|----------------------|
|            | <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                       | <b>6.084.129.812</b> |
| <b>A</b>   | <b>Tài sản ngắn hạn</b>                   | <b>6.033.893.621</b> |
| <b>I</b>   | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>1.893.394.519</b> |
| 1          | Tiền                                      | 1.893.394.519        |
| <b>II</b>  | <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>          | -                    |
| <b>III</b> | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>4.064.193.293</b> |
| 1          | Phải thu khách hàng                       | 4.028.193.293        |
| 2          | Các khoản phải thu ngắn hạn khác          | 36.000.000           |
| <b>IV</b>  | <b>Hàng tồn kho</b>                       | -                    |
| <b>V</b>   | <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>76.305.809</b>    |
| 1          | Chi phí trả trước ngắn hạn                | 76.305.809           |
| <b>B</b>   | <b>Tài sản dài hạn</b>                    | <b>50.236.191</b>    |
| <b>I</b>   | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>         | -                    |
| <b>II</b>  | <b>Tài sản cố định</b>                    | -                    |
| 1          | Tài sản cố định hữu hình                  | -                    |
| -          | Nguyên giá                                | 468.538.900          |
| -          | Giá trị hao mòn lũy kế                    | (468.538.900)        |
| 2          | Tài sản cố định vô hình                   | -                    |
| <b>III</b> | <b>Bất động sản đầu tư</b>                | -                    |
| <b>IV</b>  | <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | -                    |
| <b>V</b>   | <b>Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>50.236.191</b>    |
| 1          | Chi phí trả trước dài hạn                 | 50.236.191           |
|            | <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>6.084.129.812</b> |
| <b>C</b>   | <b>Nợ phải trả</b>                        | <b>4.878.875.106</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nợ ngắn hạn</b>                        | <b>4.878.875.106</b> |
| 1          | Phải trả người bán ngắn hạn               | 4.172.786.014        |
| 2          | Người mua trả tiền trước                  | 9.063.500            |
| 3          | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước       | 115.039.575          |
| 4          | Phải trả người lao động                   | 204.580.904          |

| STT        | Chỉ tiêu                                          | Số tiền              |
|------------|---------------------------------------------------|----------------------|
| 5          | Dự phòng phải trả ngắn hạn                        | 377.405.113          |
| <b>II</b>  | <b>Nợ dài hạn</b>                                 | -                    |
| <b>D</b>   | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                             | <b>1.205.254.706</b> |
| <b>I</b>   | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                             | <b>1.205.254.706</b> |
| 1          | Vốn góp của chủ sở hữu                            | 1.455.487.352        |
| 2          | Lợi nhuận chưa phân phối năm trước                | (281.274.581)        |
| 3          | Lợi nhuận chưa phân phối năm nay                  | 31.041.935           |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                 | -                    |
|            | <b>HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>              |                      |
| <b>E</b>   | <b>Các chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh</b>  |                      |
| <b>I</b>   | <b>Tổng doanh thu</b>                             | <b>6.607.600.359</b> |
| 1          | Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh           | 6.569.817.494        |
| 2          | Doanh thu từ hoạt động tài chính                  | 2.782.864            |
| 3          | Doanh thu khác                                    | 35.000.001           |
| <b>II</b>  | <b>Tổng chi phí</b>                               | <b>6.576.558.424</b> |
| 1          | Giá vốn hàng bán                                  | 4.818.825.563        |
| 3          | Chi phí quản lý doanh nghiệp                      | 1.757.732.861        |
| 5          | Chi phí khác                                      | -                    |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b> | <b>31.041.935</b>    |
| <b>IV</b>  | <b>Phân bổ lỗ lũy kế năm trước</b>                | <b>31.041.935</b>    |
| <b>V</b>   | <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   | -                    |